

# HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ KHÁNG CÁO, KHÁNG NGHỊ PHỨC THẨM

ThS. NGÔ THANH XUYỀN \*

**K**háng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự là chế định có vị trí và vai trò quan trọng trong tố tụng hình sự. Xét cả về mặt lý luận và thực tiễn, kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự là chế định không thể thiếu được trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, nó là cơ sở pháp lý để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác. Đồng thời, chế định kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự đảm bảo thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử - nguyên tắc quan trọng trong tố tụng hình sự Việt Nam, nhằm đảm bảo tính có căn cứ và tính hợp pháp của bản án hoặc quyết định sơ thẩm hình sự, đảm bảo tính thống nhất của pháp luật qua đó không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, quy định của pháp luật về kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự và thực tiễn thi hành các quy định này còn tồn tại những điểm mâu thuẫn, bất cập và những hạn chế nhất định, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả xét xử vụ án hình sự, cụ thể bao gồm các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, về đối tượng của kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự

Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 của Việt Nam chưa có điều luật riêng trực tiếp quy định về đối tượng kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm mà quy định gián tiếp

qua một số điều luật trong BLTTHS. Cụ thể, Điều 230 BLTTHS năm 2003 quy định: "*Xét xử phúc thẩm là việc tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị*" và Điều 232 BLTTHS năm 2003 quy định: "*Viện kiểm sát cùng cấp và viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án hoặc quyết định sơ thẩm*". Theo đó, đối tượng của kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm là những bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện sai lầm không phải là đối tượng của kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm mà là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.<sup>(1)</sup> Qua nghiên cứu cụ thể các điều luật liên quan đến đối tượng của kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, chúng tôi nhận thấy BLTTHS năm 2003 quy định khá rõ ràng bản án sơ thẩm là đối tượng của kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.<sup>(2)</sup> Tuy nhiên, BLTTHS năm 2003 lại chưa quy định cụ thể những quyết định sơ thẩm nào là đối tượng của kháng nghị phúc thẩm. Tại Mục 2 Phần I Nghị quyết của Hội

\* Viện Khoa học pháp lý, Bộ tư pháp

đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của BLTTHS năm 2003 (Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP) có hướng dẫn những quyết định sơ thẩm là đối tượng của kháng nghị phúc thẩm bao gồm: Quyết định tạm đình chỉ vụ án; quyết định đình chỉ vụ án; quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và các quyết định khác. Với đối tượng là các quyết định khác, Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP chỉ hướng dẫn chung chung mà không nêu cụ thể đó là những quyết định nào. Như vậy, cả BLTTHS năm 2003 và Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP đều chưa quy định rõ quyết định sơ thẩm nào là đối tượng của kháng nghị phúc thẩm. Mặt khác, hiện nay giữa các quy định của BLTTHS năm 2003 và hướng dẫn trong Nghị quyết 05/2005/NQ-HĐTP với việc nhận thức, vận dụng trong thực tiễn xét xử còn có những vấn đề "xung đột".<sup>(3)</sup> Do đó, theo chúng tôi để giải quyết sự xung đột này cần xác định rõ quyết định sơ thẩm nào là đối tượng của kháng nghị phúc thẩm trong BLTTHS năm 2003 hay trong thông tư liên tịch giữa Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đồng thời, quy định toà án phải gửi ngay những quyết định trên cho viện kiểm sát trong thời hạn hợp lý để viện kiểm sát xem xét có kháng nghị phúc thẩm hay không. Theo chúng tôi, ngoài ba quyết định sơ thẩm được hướng dẫn cụ thể trong Mục 2 Phần I Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP là quyết định tạm đình chỉ vụ án; quyết định tạm đình chỉ vụ án (Điều 239); quyết định áp

dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh (Điều 316) cần bổ sung thêm quyết định khởi tố vụ án (khoản 3 Điều 109) cũng là quyết định sơ thẩm thuộc đối tượng của kháng nghị phúc thẩm. Khoản 3 Điều 109 BLTTHS năm 2003 quy định: "*Trong trường hợp quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử không có căn cứ thì Viện kiểm sát kháng nghị lên toà án cấp trên*". Việc coi quyết định khởi tố vụ án của hội đồng xét xử là đối tượng của kháng nghị phúc thẩm là hợp lý và cần thiết, giải quyết được những tranh luận hiện nay về việc có nên bổ sung quyết định này trong Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP hay không. Chúng tôi cho rằng quyết định khởi tố vụ án của hội đồng xét xử cũng đáp ứng được đầy đủ các điều kiện của quyết định sơ thẩm là đối tượng của kháng nghị phúc thẩm: *Một là* quyết định khởi tố vụ án hình sự của hội đồng xét xử là quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật ngay vì theo quy định tại khoản 3 Điều 104 BLTTHS năm 2003 thì quyết định khởi tố của hội đồng xét xử phải được gửi tới viện kiểm sát để xem xét, quyết định việc điều tra. *Hai là* quyết định khởi tố vụ án hình sự là quyết định liên quan đến việc giải quyết vụ án hình sự. Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp "*nếu qua việc xét xử tại phiên toà mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra*" (khoản 1 Điều 104). *Ba là* quyết định khởi tố vụ án của hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nếu không đủ căn cứ, nếu viện kiểm sát không tiến hành kháng nghị phúc thẩm sẽ không có trình tự tố tụng nào khác để khắc phục tính

không có căn cứ, tính không hợp pháp của quyết định khởi tố trên. Do đó, theo chúng tôi Điều 239 BLTTHS năm 2003 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ những quyết định sơ thẩm nào là đối tượng của kháng nghị phúc thẩm đồng thời sắp xếp lại khoản 1 Điều 239 cho phù hợp với khoản 2 Điều 239 BLTTHS năm 2003 và đảm bảo tính khoa học hơn. Có thể sửa đổi, bổ sung theo hướng sau: "1. Quyết định đình chỉ vụ án, quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và quyết định khởi tố vụ án của toà án cấp sơ thẩm có thể bị viện kiểm sát cùng cấp kháng nghị trong thời hạn bảy ngày, viện kiểm sát cấp trên trực tiếp kháng nghị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày toà án ra quyết định".

*Thứ hai*, về chủ thể kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự

Trên cơ sở kế thừa quy định về những người có quyền kháng cáo tại Điều 205 BLTTHS năm 1988, Điều 231 BLTTHS năm 2003 bổ sung thêm chủ thể có quyền kháng cáo phúc thẩm là người bảo vệ quyền lợi cho người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất là hợp lý và phù hợp với thực tiễn xét xử phúc thẩm, đảm bảo tối đa các quyền cơ bản của người tham gia tố tụng hình sự. Tuy nhiên, quy định về quyền kháng cáo của người bị hại và người đại diện hợp pháp của họ tại Điều 231 BLTTHS năm 2003 còn tồn tại một số điểm không thống nhất so với quy định tại một số điều luật khác trong BLTTHS năm 2003. Cụ thể: Điều 231 BLTTHS năm 2003 quy định:

*.... người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo bản án hoặc quyết định sơ thẩm", với cách quy định như vậy có thể hiểu người bị hại và người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo mọi bản án hoặc mọi quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật đồng thời người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo về tất cả các vấn đề mà bản án sơ thẩm đề cập như: tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, mức hình phạt chính, mức phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, mức bồi thường, xử lý vật chứng, án phí...<sup>(4)</sup> Quy định như vậy là quá rộng và không cần thiết bởi lẽ có những quyết định trong bản án về xử lý vật chứng, án phí... không liên quan đến quyền lợi của người bị hại và trên thực tế họ cũng không kháng cáo về các quyết định đó. Điểm c khoản 2 Điều 51 BLTTHS năm 2003 quy định người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của toà án về phần bồi thường cũng như về hình phạt đối với bị cáo. Theo quy định trên, người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ chỉ có quyền kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại và các vấn đề về hình phạt như khung, mức và loại hình phạt mà không có quyền kháng cáo về tội danh, về việc miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Theo quy định này thì phạm vi kháng cáo của người bị hại là quá hẹp, hạn chế quyền kháng cáo của người bị hại. Khoản 3 Điều 249 BLTTHS năm 2003 quy định: "*Trong trường hợp viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu thì toà án**

*cấp phúc thẩm có thể tăng hình phạt, áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn*". Như vậy, theo quy định này có thể hiểu rằng người bị hại có quyền kháng cáo cả về tội danh mà toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Khoản 2 Điều 239 BLTTHS năm 2003 quy định: "*Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án của toà án cấp sơ thẩm có thể bị kháng cáo trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày người có quyền kháng cáo nhận được quyết định*". Theo quy định này cũng như trong thực tiễn xét xử và quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu thì người kháng cáo, trong đó có người bị hại và người đại diện hợp pháp của họ quy định tại Điều 231 BLTTHS năm 2003 chỉ có quyền kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ vụ án và quyết định đình chỉ vụ án của toà án cấp sơ thẩm mà không có quyền kháng cáo đối với các quyết định khác.<sup>(5)</sup> Chúng tôi đồng ý với nhóm quan điểm này. Mặc dù quy định như vậy phần nào hạn chế quyền kháng cáo của người kháng cáo, tuy nhiên xét một cách toàn diện cả về lí luận và thực tiễn xét xử hiện nay thì quy định này là hợp lí và phù hợp, tránh được các trường hợp kháng cáo không cần thiết. Như vậy, liên quan đến quyền kháng cáo của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ có tới bốn điều luật không thống nhất với nhau đồng thời hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền cũng không giải quyết được sự chông chéo này. Đây là vấn đề không chỉ liên quan đến việc đảm bảo quyền kháng cáo của người bị hại mà còn liên quan đến các quy định khác như phạm vi xét xử, quyền sửa

bản án của toà án cấp phúc thẩm... Chính vì vậy, nhất thiết phải có quy định rõ ràng và thống nhất về quyền kháng cáo của người bị hại. Theo chúng tôi, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về phần hình sự và phần bồi thường thiệt hại, quyết định tạm đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án của toà án cấp sơ thẩm.

Bên cạnh đó, Điều 231 BLTTHS năm 2003 quy định người bị hại và người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo bản án hoặc quyết định sơ thẩm và tại Mục I Phần I Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP hướng dẫn họ có quyền kháng cáo toàn bộ bản án hoặc quyết định sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo hoặc theo hướng làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 249 BLTTHS năm 2003 về sửa bản án sơ thẩm quy định: "*Trong trường hợp viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu thì toà án cấp phúc thẩm có thể tăng hình phạt, áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn; tăng mức bồi thường thiệt hại...*" mà không quy định việc người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn; tăng mức bồi thường thiệt hại thì toà án cấp phúc thẩm có thể sửa bản án sơ thẩm theo hướng đó không. Điều này dẫn đến việc quy định quyền kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại trong một số trường hợp chỉ là hình thức, không thật sự đảm bảo quyền kháng cáo phúc thẩm cho họ.

Chính vì vậy, theo chúng tôi để đảm bảo quyền kháng cáo của người đại diện hợp

pháp của người bị hại trong mọi trường hợp nên bổ sung tư cách tố tụng của họ vào khoản 3 Điều 249 BLTTHS năm 2003 như sau: "Trong trường hợp viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ kháng cáo yêu cầu thì toà án cấp phúc thẩm có thể tăng hình phạt, áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn; tăng mức bồi thường thiệt hại...".

*Thứ ba.* thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự

BLTTHS năm 2003 quy định về thời hạn kháng cáo, kháng nghị trong phúc thẩm hình sự là hợp lí, bên cạnh đó Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP tại Mục 4 Phần I hướng dẫn Điều 234 BLTTHS năm 2003 đã quy định rất cụ thể và chi tiết thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự. Việc biết cách tính thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của thời hạn kháng cáo, kháng nghị đối với bị cáo và một số người tham gia tố tụng khác là rất quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền kháng cáo cũng như quyền lợi của họ trong vụ án. Đối với kiểm sát viên, những người tiến hành tố tụng hay những nhà nghiên cứu, việc tiếp cận Nghị quyết này không khó. Tuy nhiên, không phải người kháng cáo nào cũng tiếp cận được những hướng dẫn này đặc biệt đối với người ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau như điều kiện kinh tế, dịch vụ internet chưa phổ biến, công tác tuyên truyền pháp luật hiệu quả chưa cao... Chính vì vậy, theo chúng tôi cách xác định thời

điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự phải được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 sửa đổi sau này - văn bản mà người kháng cáo có điều kiện tiếp cận phổ biến hơn cả.

Theo đó, khoản 1 Điều 234 BLTTHS năm 2003 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng như sau: "Thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày, tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đối với bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tiếp theo của ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Thời hạn kháng nghị của viện kiểm sát cùng cấp là mười lăm ngày, của viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là ba mươi ngày, tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

Nếu ngày cuối cùng của thời hạn kháng cáo, kháng nghị vào ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày cuối cùng của thời hạn kháng cáo, kháng nghị là ngày làm việc đầu tiên tiếp theo của ngày nghỉ đó".

*Thứ tư.* thông báo việc kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự

BLTTHS năm 2003 quy định về thông báo việc kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự tại Điều 236 trên cơ sở kế thừa quy định tại Điều 210 BLTTHS năm 1988 đồng thời có sửa đổi, bổ sung thêm một số quy định mới đã đáp ứng được cơ bản yêu cầu của thực tiễn về việc thông báo kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự hiện nay. Tuy nhiên, quy định tại khoản 1 Điều 236 BLTTHS năm 2003 về thông báo việc kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự còn tồn

tại một số điểm chưa hợp lý, chưa rõ ràng, cần phải có sự sửa đổi, bổ sung cần thiết để một mặt đảm bảo quyền lợi của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, mặt khác tạo ra sự áp dụng pháp luật thống nhất. Cụ thể như sau:

*Một là* khoản 1 Điều 236 BLTTHS năm 2003 chỉ quy định: "*Việc kháng cáo, kháng nghị phải được toà án cấp sơ thẩm thông báo bằng văn bản cho viện kiểm sát cùng cấp và những người tham gia tố tụng*" mà không quy định toà án cấp sơ thẩm phải thông báo về nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo cũng như những người liên quan trực tiếp đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự. Vì vậy, việc thông báo nội dung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự là cần thiết nhằm đảm bảo quyền lợi của bị cáo và những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Bị cáo và những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm cần phải biết kháng cáo, kháng nghị về vấn đề gì, nội dung cụ thể như thế nào, liên quan đến những chủ thể nào, trên cơ sở đó để họ có thể chuẩn bị cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng như thực hiện tốt quyền bào chữa của mình tại phiên toà phúc thẩm.

*Hai là* cùng theo khoản 1 Điều 236 BLTTHS năm 2003 chúng ta hoàn toàn có thể hiểu toà án cấp sơ thẩm không những phải thông báo việc kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm cho viện kiểm sát cùng cấp mà còn phải thông

báo cho tất cả những người tham gia tố tụng đã được triệu tập tại phiên toà sơ thẩm. Theo chúng tôi việc BLTTHS năm 2003 quy định việc kháng cáo, kháng nghị phải được toà án cấp sơ thẩm thông báo cho những người tham gia tố tụng là quá rộng, thậm chí không cần thiết. Bởi lẽ, Điều 241 BLTTHS năm 2003 về phạm vi xét xử phúc thẩm có quy định toà án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết thì toà án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án. Có nghĩa là về nguyên tắc, toà án cấp phúc thẩm chỉ xét xử vụ án trong phạm vi nội dung kháng cáo, kháng nghị, phần nào của bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì xem xét lại phần đó còn các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị chỉ trong trường hợp xét thấy cần thiết thì toà án cấp phúc thẩm mới có thể xem xét, nếu kháng cáo, kháng nghị toàn bộ bản án thì toà án cấp phúc thẩm sẽ xét xử lại toàn bộ vụ án. Bên cạnh đó, những người tham gia tố tụng được BLTTHS năm 2003 xác định là khá nhiều, được quy định cụ thể tại Chương IV từ Điều 48 đến Điều 62. Trong một vụ án hình sự có thể bao gồm hoặc không bao gồm hết những người này, đặc biệt trong thực tiễn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hiện nay chủ yếu là những kháng cáo, kháng nghị liên quan đến bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự... mà không liên quan hết đối với tất cả những người tham gia tố tụng. Như vậy, việc thông báo việc kháng cáo, kháng nghị phúc

thẩm cho tất cả những người tham gia tố tụng là không cần thiết, mà chỉ cần thông báo cho những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, bởi xét cả về tính chất và phạm vi xét xử phúc thẩm, toà án cấp phúc thẩm làm như vậy là không vi phạm pháp luật. Điều này sẽ tránh được những lãng phí tố tụng không cần thiết trong việc xét xử vụ án hình sự ở cấp phúc thẩm. Nếu xét thấy cần thiết, toà án cấp phúc thẩm vẫn có thể triệu tập những người không được thông báo đến phiên toà phúc thẩm để làm rõ các vấn đề trong vụ án. Chính vì vậy, xuất phát từ những phân tích trên, theo chúng tôi khoản 1 Điều 236 BLTTHS năm 2003 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng sau: "Việc kháng cáo, kháng nghị và nội dung của kháng cáo, kháng nghị phải được toà án cấp sơ thẩm thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được kháng cáo, kháng nghị".

*Thứ năm*, việc bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự.

Với quy định của BLTTHS năm 2003 về bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự tại Điều 238, đặc biệt là hướng dẫn tại tiểu mục 7.1 Mục 7, Phần I Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP đã cơ bản tháo gỡ được những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định này. Tuy nhiên, các quy định về bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo, kháng nghị còn tồn tại những hạn chế, cần phải sửa đổi, bổ sung, cụ thể bao gồm các vấn đề sau:

*Một là* trong nhiều trường hợp tại phiên toà phúc thẩm trong xét xử phúc thẩm, việc bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm hình sự dẫn đến việc mở rộng phạm vi người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Điều đó sẽ dẫn đến yêu cầu tất yếu là phải triệu tập thêm những người liên quan đến phần kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm mới được bổ sung đến phiên toà phúc thẩm. Tuy nhiên vấn đề này lại chưa được đề cập và quy định trong cả BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003 cũng như các văn bản hướng dẫn. Nếu việc bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm được tiến hành trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm thì sau khi chấp nhận kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm bổ sung, toà án cấp phúc thẩm có thể thông báo kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và triệu tập những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị (kể cả kháng cáo, kháng nghị bổ sung) theo quy định chung. Nếu toà án cấp phúc thẩm chấp nhận việc bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị tại phiên toà phúc thẩm là hợp lệ và việc bổ sung kháng cáo, kháng nghị dẫn đến việc mở rộng phạm vi người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm thì tại phiên toà phúc thẩm sẽ không có mặt những người có quyền và lợi ích liên quan đến kháng cáo, kháng nghị mới được bổ sung<sup>(6)</sup>. Chính vì vậy, BLTTHS năm 2003 sửa đổi cần phải quy định thêm việc triệu tập những người liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm được bổ sung, thay đổi tại phiên toà phúc thẩm nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người liên quan đến

kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm bổ sung, cũng như góp phần giải quyết đúng đắn và nhanh chóng vụ án hình sự.

Hai là khoản 2 Điều 238 BLTTHS năm 2003 quy định trong trường hợp rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị tại phiên toà thì việc xét xử phúc thẩm phải được đình chỉ. Quy định trên đề cập hậu quả pháp lí của việc rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm tại phiên toà phúc thẩm, tuy nhiên quy định này còn tồn tại điểm chưa hợp lí. Bởi lẽ, đối với một vụ án hình sự sơ thẩm, sau khi xét xử sơ thẩm có thể có nhiều kháng cáo của những chủ thể có quyền kháng cáo và có cả kháng nghị của viện kiểm sát. Khi bị cáo hoặc một số người tham gia tố tụng rút toàn bộ kháng cáo của mình, viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị của mình thì có thể vẫn còn những kháng cáo, kháng nghị của những chủ thể khác, do đó việc xét xử phúc thẩm không thể đình chỉ được. Chính vì vậy, theo chúng tôi đề khắc phục điểm không hợp lí, không rõ ràng và tránh hiểu sai điều luật cần phải quy định rõ theo hướng quy định thêm điều kiện của đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với trường hợp rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị tại phiên toà đó là không có kháng cáo, kháng nghị khác. Đồng thời, việc sắp xếp các quy định về bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và rút kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm trong điều luật chưa thật khoa học, rõ ràng. Từ những phân tích nêu trên, chúng tôi cho rằng Điều 238 BLTTHS năm 2003 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Trước khi bắt đầu hoặc tại phiên toà

phúc thẩm, người kháng cáo hoặc viện kiểm sát có quyền bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị nhưng không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; Nếu việc bổ sung kháng cáo, kháng nghị dẫn đến phải triệu tập những người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị bổ sung thì phải triệu tập những người đó tham gia phiên toà.

2. Trước khi bắt đầu hoặc tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo hoặc viện kiểm sát có quyền rút một phần hoặc toàn bộ kháng cáo, kháng nghị. Đối với trường hợp rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị tại phiên toà thì việc xét xử phúc thẩm phải được đình chỉ nếu không có kháng cáo, kháng nghị khác. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm".

(1). Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 407.

(2). Xem thêm: Ngô Thanh Xuyên, *Kháng cáo, kháng nghị trong phúc thẩm hình sự*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2011, tr. 18.

(3). Xem: Hồ Đức Anh, "Xác định các quyết định sơ thẩm là đối tượng của kháng nghị phúc thẩm hình sự và một số kiến nghị nâng cao chất lượng kháng nghị", *Tạp chí kiểm sát số 8 (4 - 2007)*, tr. 33.

(4). Xem: Viện khoa học pháp lí, Bộ tư pháp, *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 474

(5). Xem: Nguyễn Ngọc Anh (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 512, Võ Khánh Vinh, *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2004 tr. 650.

(6). Xem: Phan Thị Thanh Mai, *Phúc thẩm trong tố tụng hình sự*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, 1998, tr. 78.